

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 245/2026/DS - PT

Ngày 11 - 3 - 2026

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay*”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Hùng

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Hữu Lương

Ông Nguyễn Thế Hồng

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Cao Ngọc Quý - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:* Bà Trần Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 816/2025/TLPT-DS ngày 22 tháng 12 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 197/2025/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 57/2026/QĐ-PT ngày 09 tháng 01 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 182/2026/QĐ – PT ngày 04 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Linh Trịnh Thu N, sinh năm 1978 (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Số A P, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh).

Địa chỉ liên hệ: số C đường Đ, khu phố C, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre (nay là phường P, Vĩnh Long).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1976 (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố E, thị trấn M, huyện M, tỉnh Bến Tre (nay là ấp E, xã M, tỉnh Vĩnh Long). Theo văn bản ủy quyền ngày 16/01/2025.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Địa chỉ: số nhà F, khu phố G, thị trấn M, huyện M, tỉnh Bến Tre (nay là số nhà F, ấp G, xã M, tỉnh Vĩnh Long).

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Anh Trương Quang V, sinh năm 1977 (có mặt)

Địa chỉ: ấp C, xã L, huyện C, tỉnh Long An (nay là ấp C, xã L, tỉnh Tây Ninh).
Theo văn bản ủy quyền ngày 22/7/2025.

- *Người kháng cáo:* Anh Trương Quang V là người đại diện hợp pháp của bị đơn chị Nguyễn Ngọc H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và lời khai của nguyên đơn chị L Trịnh Thu N và trong quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Văn P là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Ngày 12/5/2023, chị L Trịnh Thu N có cho chị Nguyễn Ngọc H vay số tiền 2.500.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận miệng là 1,5%/tháng. Chị H cam kết khi Tòa án giải quyết xong vụ kiện của chị H thì sẽ hoàn lại cho chị N số tiền trên. Trường hợp vụ kiện kết thúc và chị H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà không trả tiền lại cho chị N thì chị H sẽ tự nguyện phân chia $\frac{1}{2}$ diện tích đất tương đương diện tích 1.400m² thuộc thửa đất số 110, tờ bản đồ số 15, tọa lạc khu phố G, thị trấn M, huyện M, tỉnh Bến Tre (nay là ấp G, xã M, tỉnh Vĩnh Long) do chị H đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) cho chị N để cân trừ số tiền 2.500.000.000 đồng và tiền lãi như thỏa thuận. Chị N đã giao đủ tiền, chị H nhận và ký tên trên “Giấy cam kết” ngày 12/5/2023. Tuy nhiên, kể từ khi nhận tiền đến nay chị H không trả lại tiền gốc và lãi như thỏa thuận và cũng không giao thửa đất 110, tờ bản đồ số 15 cho chị N như cam kết mặc dù vụ kiện của chị H đã kết thúc và chị H đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 25/11/2024. Nay chị Linh Trịnh Thu N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị H phải trả cho bà N số tiền vay gốc là 2.500.000.00 đồng và tiền lãi tính từ ngày 12/5/2023 đến ngày Tòa án đưa vụ kiện ra xét xử sơ thẩm với mức lãi 1,5%/tháng. Chị N không yêu cầu chị H giao $\frac{1}{2}$ thửa đất số 110, tờ bản đồ 15, tọa lạc tại khu phố G, thị trấn M, huyện M, tỉnh Bến Tre (nay là ấp G, xã M, tỉnh Vĩnh Long).

Theo nội dung văn bản trình bày ý kiến, trong quá trình giải quyết vụ án anh Trương Quang V là người đại diện hợp pháp của bị đơn chị Nguyễn Ngọc H trình bày: Nguyên trước đây chị Nguyễn Ngọc H và chị Linh Trịnh Thu N có lập tờ “Giấy cam kết” viết tay đề ngày 12/5/2023 về việc chị H hứa chuyển nhượng cho chị N phần đất có diện tích bằng $\frac{1}{2}$ thửa đất số 110, tờ bản đồ 15 tại số F, khu phố G, thị trấn M, huyện M, tỉnh Bến Tre (nay là ấp G, xã M, tỉnh Vĩnh Long) do chị H đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với giá bán là 2.500.000.000 đồng. Tuy nhiên, cho tới nay chị H và chị N vẫn chưa tiến hành lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất có công chứng, chứng thực và làm các thủ tục sang tên theo quy định của pháp luật. Mặt khác, chị H vẫn chưa nhận được số tiền là 2.500.000.000

đồng như cam kết trong tờ “Giấy cam kết” viết tay đề ngày 12/5/2023 cũng như không có việc bàn giao đất cho chị N; hiện tại thửa đất trên vẫn do chị H quản lý, sử dụng. Về việc trong “Giấy Cam Kết” viết tay đề ngày 12/5/2023 mà phía nguyên đơn cung cấp có chữ viết với nội dung “Đã nhận đủ tiền”, chị H khẳng định đó không phải là chữ viết của chị H và chị H khẳng định chưa nhận được số tiền là 2.500.000.000 đồng từ chị N. Nay chị H không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Linh Trịnh Thu N.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 197/2025/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Vĩnh Long đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị L Trịnh Thu N.

Buộc chị Nguyễn Ngọc H phải có nghĩa vụ trả cho chị L Trịnh Thu N số tiền 2.876.264.000 đồng, trong đó tiền gốc là 2.500.000.000 đồng, tiền lãi là 376.264.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, chi phí giám định, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 24 tháng 10 năm 2025, anh Trương Quang V là người đại diện hợp pháp của bị đơn chị Nguyễn Ngọc H kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Nguyễn Văn P là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, anh Trương Quang V là người đại diện hợp pháp của bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Anh Trương Quang V có ý kiến anh không tham gia phần hỏi và trả lời câu hỏi của phía nguyên đơn, không có ý kiến tranh luận, chỉ yêu cầu Tòa án trung cầu giám định lại chữ ký, chữ viết của chị Nguyễn Ngọc H trong “Giấy cam kết” ngày 12/5/2023 với lý do anh V cảm nhận bằng mắt thường không phải chữ ký, chữ viết của chị H.

Ý kiến của vị Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tiến hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, vị Kiểm sát viên cho rằng:

Đối với việc anh Trương Quang V yêu cầu giám định lại chữ ký, chữ viết của chị Nguyễn Ngọc H trong “Giấy cam kết” ngày 12/5/2023 nhưng anh V không chứng minh được việc giám định của cơ quan có thẩm quyền là không chính xác, có

vi phạm pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu này của anh V.

Tại giấy “Giấy cam kết” đề ngày 12/5/2023 thể hiện nội dung chị H đã nhận số tiền 2.500.000.000 đồng của chị N. Tại Kết luận giám định số: 153/2025/KL - KTHS-KV2 ngày 19/9/2025 của Phòng K Công an tỉnh V kết luận chữ ký, chữ viết “Nguyễn Ngọc H”, chữ viết “Đã nhận đủ tiền” trong “Giấy cam kết” đề ngày 12/5/2023 là của chị H. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc chị H trả cho chị N số tiền vay 2.500.000.000 đồng và lãi phát sinh là có căn cứ, đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của chị H1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc anh Trương Quang V là người đại diện hợp pháp của chị Nguyễn Ngọc H yêu cầu giám định lại chữ ký, chữ viết của chị Nguyễn Ngọc H trong “Giấy cam kết” ngày 12/5/2023, Hội đồng xét xử xét thấy: Anh V không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc giám định của Phòng K Công an tỉnh V là không chính xác, có vi phạm pháp luật theo quy định tại khoản 5 Điều 102 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu này của anh V.

[2] Xét kháng cáo của anh Trương Quang V là người đại diện hợp pháp của bị đơn chị Nguyễn Ngọc H, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại “Giấy cam kết” đề ngày 12/5/2023 có nội dung: Chị H hứa chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho chị N ½ thửa đất tại địa chỉ F, khu phố G, thị trấn M, huyện M, tỉnh Bến Tre (nay là xã M, tỉnh Vĩnh Long) diện tích tạm tính là 1.400m² với giá tiền 2.500.000.000 đồng; khi chị H giải quyết xong vụ tranh chấp đất đai của chị H xong sẽ hoàn lại số tiền nêu trên cho chị N, không giao dịch mua bán đất; nếu khi chị H lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về mà không trả lại số tiền trên thì chị N có quyền chia đất theo thỏa thuận. Như vậy, theo nội dung “Giấy cam kết” trên thể hiện chị H đã nhận số tiền 2.500.000.000 đồng của chị N.

Chị H cũng như người đại diện hợp pháp của chị H cho rằng chữ ký, chữ viết họ tên “Nguyễn Ngọc H”, chữ viết “Đã Nhận Đủ T” trong “Giấy cam kết” ngày 12/5/2023 không phải của chị H. Tại Kết luận giám định số: 153/2025/KL-KTHS-KV2 ngày 19/9/2025 của Phòng K Công an tỉnh V kết luận: “Chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Ngọc H dưới mục “Người nhận tiền” trên mẫu cần giám định (ký hiệu A) so với chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Ngọc H trên mẫu so sánh (ký hiệu từ M1 đến M4) do cùng một người ký, viết ra”; “Chữ viết “Đã Nhận Đủ Tiền” dưới mục “Người Nhận tiền” trên mẫu cần giám định (ký hiệu A) so với chữ viết “Nguyễn Ngọc H” dưới mục “Người Nhận tiền” trên mẫu cần giám định (ký hiệu A)

và chữ viết “Tôi đã đọc và đồng ý”, “Nguyễn Ngọc H” dưới mục “NGƯỜI ỦY QUYỀN” trên mẫu so sánh (ký hiệu M4) do cùng một người viết ra”. Do đó, có cơ sở xác định chị H đã nhận số tiền 2.500.000.000 đồng từ chị N.

[3] Về bản chất của “Giấy cam kết” ngày 12/5/2023 là một hợp đồng vay tiền có biện pháp bảo đảm (cam kết chuyển nhượng đất nếu không trả nợ). Việc cam kết chuyển nhượng đất trong trường hợp này có thể được xem như một hình thức thế chấp bằng quyền sử dụng đất. Mặc dù trong giấy cam kết có điều khoản chị H sẽ phân chia $\frac{1}{2}$ diện tích đất cho chị N để cầm trả nếu không trả tiền, song bản chất giao dịch là hợp đồng vay tài sản.

[4] Từ những chứng cứ và phân tích trên [2], [3], việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc chị H trả cho chị N số tiền vay 2.500.000.000 đồng và lãi phát sinh là có căn cứ, đúng pháp luật; kháng cáo của chị H là không có cơ sở chấp nhận.

[5] Xét ý kiến của vị Kiểm sát viên, như phân tích ở phần trên, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Buộc chị Nguyễn Ngọc H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai số 0009434 ngày 13/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn chị Nguyễn Ngọc H.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 197/2025/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Vĩnh Long.

Áp dụng các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Linh Trịnh Thu N.

Buộc chị Nguyễn Ngọc H phải có nghĩa vụ trả cho chị L Trịnh Thu N số tiền 2.876.264.000 đồng, trong đó tiền gốc là 2.500.000.000 đồng, tiền lãi là 376.264.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định

tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Buộc chị Nguyễn Ngọc H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai số 0009434 ngày 13/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, không bị cải sửa có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- TAND Khu vực 9 – Vĩnh Long;
- Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Hùng